

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 16 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng

2. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14/5 và ngày 16/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Xuân B, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 51, đường Nguyễn Huệ, khóm 2, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Xuân B trình bày:

Ông B có bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà Phạm Thị Th từ khoảng năm 2021 đến nay.

Khi giao thức ăn cho bà Th thì mỗi bên đều có sổ nhỏ ghi vào. Sau khi nhận đủ hàng thì bà Th ký tên Th trong sổ ông B dưới chỗ người nhận.

Trong quá trình mua bán thì ông B thuê anh Sơn giao thức ăn cho bà Th nhiều lần, tạm tính đến ngày 02/3/2023 thì bà Th chỉ thống nhất còn nợ ông B số tiền 30.197.000 đồng, riêng lần giao thức ăn ngày 23/02/2023 (dl) ông B có thuê anh Sơn giao cho bà Th 30 bao thức ăn và bà Th đã nhận nhưng lúc này ông B không có đi theo nên không có đưa cho bà Th ký nhận cùng ngày giao, đến ngày 28/02/2023 thì sau khi giao tiếp cho bà Th 20 bao thức ăn, sau đó ông B mới đưa bà Th ký tên dưới chỗ người nhận để xác nhận bà Th đã nhận 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023 và đã nhận 20 bao thức ăn ngày 28/02/2023.

Do bà Th không thừa nhận bà đã nhận 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023 nên ngày 07/5/2023 ông B cùng anh Trần Văn Sơn (Người giao thức ăn) đến nhà bà Th để kiểm tra vỏ bao đã qua sử dụng, qua kiểm tra thực tế số vỏ bao mà bà Th đã qua sử dụng với các bao thức ăn mà ông B giao cho bà Th ngày 23/02/2023 đối chiếu ngày sản xuất, nhãn hiệu là trùng khớp.

Ông B không yêu cầu giám định vì ông B đã cung cấp được chứng cứ là bà Th có ký nhận tên Th dưới mục người nhận ngày 23/02/2023 trong sổ ông B giống như những lần khác sau khi bà Th đã nhận đủ thức ăn. Đồng thời có anh Trần Văn Sơn chạy xe ba gác là người trực tiếp giao thức ăn cho bà Th làm chứng việc này.

Hiện ông B vẫn còn bán thức ăn cho bà Th nên ông B chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Th trả cho ông B tiền mua thức ăn còn thiếu đã chốt tới thời điểm ngày 02/03/2023 số tiền 39.302.000 đồng (trong đó có 30.197.000 đồng hai bên đã thống nhất và 30 bao thức ăn tương ứng số tiền 9.105.000 đồng bà Th chưa thống nhất).

Bị đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà Th thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của ông B từ khoảng tháng 5 năm 2021 đến nay và hiện vẫn còn mua thức ăn chỗ ông B.

Khi ông B cho anh Trần Văn Sơn giao thức ăn cho bà Th thì hai bên đều có sổ nhỏ để ghi, sổ của bà Th thì bà Th giữ, mỗi lần ông B giao thức ăn xong thì ông B ký tên vào sổ bà Th, còn sổ ông B giữ thì sau khi bà Th nhận đủ số lượng thức ăn thì bà Th cũng ký tên Th vào sổ của ông B.

Bà Th đã mua thức ăn của ông B nhiều lần, các lần khác thì bà Th và ông B đều thống nhất, chỉ riêng lần giao thức ăn ngày 23/02/2023 (DL) thì bà Th không thống nhất vì bà Th không có nhận 30 bao thức ăn như ông B trình bày.

Bà Th nhớ ngày 04/02/2023 (DL) ông B kêu anh Sơn giao cho bà Th 30 bao thức ăn, bà có nhận nhưng lúc này không có ông B nên bà Th chưa có ký tên vào sổ nhận hàng, sau đó ngày 10/02/2023 (DL) thì ông B đem sổ vào nhà

nhưng lúc này bà Th không có ở nhà nên anh Phạm Thanh Trung (con bà Th) ký nhận thay.

Ngày 28/02/2023 (DL) ông B kêu anh Sơn giao tiếp cho bà Th 20 bao thức ăn, bà Th có nhận và có ký tên. Riêng đối với ngày 23/02/2023 (DL) thì bà Th không có nhận 30 bao thức ăn như ông B nói nên bà Th không có ký nhận ngay ngày này.

Khi bà Th nhận đủ hàng thì bà Th ký tên Th vào sổ của ông B dưới chỗ người nhận.

Ngày 07/5/2023 sau khi ông B kiểm tra vỏ bao tại nhà bà Th thì bà Th có ký nhận tên Th dưới mục người kiểm tra, bà Th thống nhất số vỏ bao được ghi là 46 vỏ bao vì bà Th mua ông B ngày 04/02/2023 và ngày 28/02/2023 tổng cộng 50 bao, kiểm tra 43 vỏ bao (vì có trả cho ông Tuấn 3 bao) nên số lượng bao 46 là bình thường, ký hiệu vỏ bao là 9499, còn ngày sản xuất thì khác. Cụ thể qua kiểm tra vỏ bao ngày 07/5/2023 xác định: Ký hiệu 9499, ngày sản xuất 28/01/2023 có 18 vỏ bao nhận ngày 04/02/2023, còn lại ngày sản xuất 16/02/2022 có 06 vỏ bao, ngày sản xuất 17/02/2023 có 27 vỏ bao và ngày sản xuất 20/02/2023 có 10 vỏ bao. Đến ngày 11/4/2023 (DL) thì bà Th mới nhận hàng mới của ông B và ngày sản xuất mới.

Bà Th xác định giá mỗi bao thức ăn thời điểm mua ngày 23 đến ngày 28/02/2023 (DL) là 303.500 đồng.

Riêng ngày 28/02/2023 (al) do thức ăn còn nhiều nên bà có kêu anh Sơn là người giao hàng chất thức ăn lên cao chặn ngang để không cho cháu nội của bà Th leo trèo lên các bao thức ăn sợ bị té, không phải ngày 23/02/2023 (al) như anh Sơn trình bày. Còn các ngày khác thì bà Th chỉ kiểm đủ số lượng, không có kêu anh Sơn dùng các bao thức ăn chặn lên cao nữa.

Bà Th không thừa nhận chữ ký tên Th dưới chỗ người nhận ngày 23/02/2023 là do bà Th ký ra nhưng bà Th xác định là trước đây bà có ký tên vào sổ ông B nhưng không biết ký tên xác nhận vào ngày nào, nội dung là gì nên bà cũng không yêu cầu giám định chữ ký Th dưới chỗ người nhận được ghi trong sổ ngày 23/02/2023 (DL) do ông B cung cấp.

Nay bà Th chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền 31.715.000 đồng (trong đó 30.197.000 đồng hai bên thống nhất và 5 bao thức ăn (trong số 30 bao thức ăn ông B đang kiện), giá mỗi bao là 303.500 đồng quy ra tiền 1.517.500 đồng), tổng cộng 31.714.500 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân B, buộc bà Phạm Thị Th trả cho ông B tiền mua thức ăn còn thiếu là 39.302.000 đồng.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện ông Võ Xuân B yêu cầu bà Phạm Thị Th trả số tiền mua thức ăn còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hợp đồng mua bán theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Hiện bà Phạm Thị Th đang cư trú tại ấp áp T, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Võ Xuân B, Hội đồng xét thấy như sau:

Theo lời khai của đương sự và tài liệu thu thập có trong hồ sơ xác định: Bà Phạm Thị Th nhiều năm mua thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của ông Võ Xuân B. Phương thức các bên thực hiện giao dịch là mỗi lần đặt hàng, ông B cho người giao hàng đến, bà Th kiểm tra đủ số lượng và nhận hàng. Sau đó ông B và bà Th sẽ gặp nhau để hai bên ký tên vào sổ của nhau, xác nhận là bà Th đã nhận đủ số lượng, bà Th sẽ ký tên Th dưới mục người nhận trong sổ ông B, phía bà Th cũng tự ghi một sổ riêng của bà Th và ông B ký tên xác nhận. Khi hai bên chốt khoản tiền thanh toán thì bà Th cũng ký tên Th dưới mục người trả tiền hoặc người nhận nợ.

Các bên hiện vẫn còn thực hiện việc mua bán theo phương thức này, hiện hai bên chốt sổ và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đến thời điểm đến ngày 02/03/2023 nên ông B yêu cầu bà Th trả số tiền 39.302.000 đồng (trong đó 30.197.000 đồng hai bên thống nhất và 9.105.000 đồng (tương ứng 30 bao thức ăn) bà Th chưa thống nhất. Còn bà Th cho rằng bà không có nhận 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023 nên bà không đồng ý trả cho ông B số tiền 9.105.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền 31.714.500 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng) gồm số tiền 30.197.000 đồng tiền thiếu và

1.517.500 đồng tương ứng 5 bao thức ăn, giá mỗi bao 303.500 đồng.

Tuy nhiên xét lời trình bày của bà Th là không phù hợp vì mặc dù bà Th cho rằng bà không có nhận 30 bao thức ăn vào ngày 23/02/2023 của ông B nhưng bà lại không đưa ra được bất cứ tài liệu nào chứng minh cho việc này. Ngược lại ông B đã cung cấp được tài liệu là chữ ký Th dưới mục người nhận đối với 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023. Đây được coi là tài liệu quan trọng và có giá trị chứng minh vì theo như các đương sự trình bày thì từ trước đến nay khi hai bên thực hiện giao dịch mua bán thức ăn và khi bà Th nhận đủ số lượng thức ăn thì bà Th sẽ ký vào sổ ông B chữ ký Th dưới mục người nhận. Trong sổ bà Th thì ông B cũng có ký xác nhận giao số lượng 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023.

Nếu bà Th cho rằng bà không có nhận 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023 thì bà phải giám định chữ ký Th trong tài liệu do ông B cung cấp để xác định chữ ký và chữ viết này có phải do bà Th ký và viết ra hay không, nhưng dù Thẩm phán đã giải thích rõ về việc giám định nhưng bà Th cũng không yêu cầu. Tại phiên tòa bà Th cho rằng bà có ký tên trong sổ ông B nhưng do lúc ký tên có việc gấp nên bà không biết mình ký tên để xác nhận nội dung gì và ký tên ngày nào.

Theo khoản 1 và khoản 4 Điều 91. Nghĩa vụ chứng minh quy định:

1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Theo quy định trên, nếu bà Th muốn bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình thì bà phải yêu cầu giám định nhưng bà Th đã từ chối quyền lợi này nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu đã thu thập được để xét xử vụ án.

Bên cạnh đó, ông B còn cung cấp thêm người làm chứng là anh Trần Văn Sơn người trực tiếp giao 30 bao thức ăn cho bà Th vào ngày 23/02/2023. Anh Sơn xác định thực tế ngày 23/02/2023 anh có giao 30 bao thức ăn và chính bà Phạm Thị Th là người nhận, sau khi kiểm tra đủ số lượng thì bà Th có kêu anh Sơn chất thức ăn cao lên để không cho cháu nội của bà Th leo trèo lên các bao thức ăn sợ bị té.

Còn bà Th xác định ngày 28/02/2023 (al) do thức ăn còn nhiều nên bà có kêu anh Sơn là người giao hàng chất thức ăn lên cao để không cho cháu nội của bà Th leo trèo lên các bao thức ăn sợ bị té, không phải ngày 23/02/2023 (al) như ông Sơn trình bày.

Xét trong lời khai của bà Th và anh Sơn có mâu thuẫn về ngày giao hàng và số lượng bao thức ăn nhưng có một điểm thống nhất là khi anh Sơn giao các bao thức ăn thì bà Th có kêu anh Sơn chất thức ăn cao lên để không cho cháu nội của bà Th leo trèo sợ bị té,

Cho dù bà Th luôn cho rằng mình không có nhận 30 bao thức ăn ngày 23/02/2023 nhưng lời khai của anh Sơn xác định có giao 30 thức ăn cho bà Th nhận vào ngày 23/02/2023 lại phù hợp với tài liệu do ông B cung cấp là có chữ ký bà Th ký nhận trong sổ ông B.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu của ông Võ Xuân B là phù hợp nên buộc bà Phạm Thị Th có trách nhiệm trả cho ông B số tiền mua thức ăn còn thiếu là 39.302.000 đồng.

[2.2] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu của ông Võ Xuân B nên bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Qua nội dung phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân B .

Buộc bà Phạm Thị Th phải trả cho ông B số tiền mua thức ăn còn thiếu là 39.302.000 đồng (Ba mươi chín triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Th phải chịu 1.965.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Xuân B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình